

THÔNG TIN THUỐC

Tháng 02/2009

Phòng Dược Lâm Sàng – Thông tin thuốc – BV Từ Dũ

1. Cập nhật tên biệt dược, hàm lượng

- Lincocin 200mg → Lincomycin 200mg
- Augmentine 1g → Augbactam 1g
- Aldomet 250mg → Dopegyt 250mg
- Cefixim 200mg → Cefimvid 200mg
- Toplexil → Toptussan

Lưu ý hàm lượng, đường dùng

- Progesteron 50mg → Progesteron 25mg

2. Liều dùng Mekocefal (Cefadroxil)

- $T_{1/2} = 1.5h$. Sau $5 \times T_{1/2} = 6h$ thuốc được thải hoàn toàn ra khỏi cơ thể, nên liều lặp lại: 500mg sau mỗi 6h.
Tuy nhiên nồng độ đỉnh của cefadroxil trong huyết tương duy trì lâu nên có thể dùng: 1g sau mỗi 12h.
Sau khi dùng liều 1 g, nồng độ kháng sinh trong nước tiểu giữ được 20 - 22 giờ trên mức nồng độ ức chế tối thiểu cho những vi khuẩn gây bệnh đường niệu nhạy cảm.
→ Liều đúng: 500mg x 3-4 lần/ ngày
hoặc 1g x 2 lần/ ngày

3. Tương tác chế phẩm chứa sắt và thuốc trị cao huyết áp: Adofex – Dopegyt

Dopegyt (methyldopa)

Những cuộc nghiên cứu khẳng định sắt ở một vài dạng có thể gắn chặt với phân tử thuốc methyldopa tạo thành phức hợp sắt làm giảm lượng phân tử methyldopa ở dạng tự do vì vậy làm giảm sự hấp thu của thuốc. Một cuộc nghiên cứu nhỏ, có 4/5 bệnh nhân sử dụng methyldopa cùng với chế phẩm sắt có tình trạng tăng huyết áp sau 2 tuần.

→ Mỗi bệnh nhân khi được chỉ định methyldopa nên tránh kê thêm thuốc bổ sung sắt hoặc ít nhất dặn bệnh nhân uống methyldopa 2 giờ trước hoặc sau khi sử dụng các chế phẩm bổ sung sắt.

Sử dụng chế phẩm chứa sắt

- Đề thuốc được hấp thu tốt nhất ên uống giữa hai bữa ăn.
- Sự có mặt của vitamin C sẽ làm tăng sự hấp thu sắt.
- Tránh dùng những thực phẩm có nhiều oxalat và phytat, rượu, cà phê, chè và nước ngọt chứa nhiều axit phosphoric. Các hỗn hợp trên có thể kết hợp với sắt và gây giảm hấp thu.
- Để tránh táo bón, nên chọn thuốc chứa sắt dưới dạng sắt hữu cơ như sắt fumarat (ferrovit,...) hay sắt gluconat, vì sắt hữu cơ sẽ được cơ thể hấp thu tốt hơn sắt vô cơ (sắt sulfat) và giảm được tác dụng phụ như kích ứng đường tiêu hóa hay táo bón.
- Adofex (sắt aminoat 60 mg): uống sau khi ăn
- Ferrovit (Fe fumarate 162 mg): uống khi bụng đói (1 giờ trước khi ăn hoặc 2 giờ sau khi ăn)

4. Chuyển đổi kháng sinh

Nên chuyển đổi kháng sinh cùng phổ kháng khuẩn hoặc cùng thể hệ cephalosporin.

Những tiêu chuẩn chuyển đổi kháng sinh từ tiêm sang uống

- Bệnh nhân đã điều trị đường tiêm trong vòng 48-72 giờ
- Bệnh nhân có chức năng dạ dày ruột bình thường (không trào ngược dạ dày, không nôn và tiêu chảy, đáp ứng tốt với chế độ điều trị bằng đường uống, và có chế độ ăn phù hợp)

- Bệnh nhân không nhiễm trùng nặng (nhiễm trùng đường tiểu, nhiễm trùng da và mô mềm, nhiễm trùng phổi cộng đồng, và viêm xương khớp)
- Bệnh nhân có dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng cải thiện
 - Hạ sốt, WBC < 15.000/mm³

Một số chuyển đổi kháng sinh từ tiêm sang uống

- Augbactam 1g → Augbactam 625mg (1v x 2-3/ngày)
- Timentine 3.2g → Augbactam 625mg (1v x 2-3/ngày)
- Shinzolin 1g → Mekocefal 500mg (2v x 2/ngày)
- Cefuroxim 750mg → { Quincef 250mg (2v x 2/ngày)
- → Augbactam 625mg (1v x 2-3/ngày)
- Cefotaxim 1g } → Cefimvid 200mg (1v x 2/ngày)
- Vitazidim 1g, Cefodimex 1g } → Cefimvid 200mg (1v x 2/ngày)
- Ceftriaxon 1g } → Cefimvid 200mg (1v x 2/ngày)
- Metronidazol 500mg/100ml → Metronidazol 250mg (2v x 2/ngày)

5. Thông tin về Utrogestan

- Là progesteron thiên nhiên ở dạng phân tử nhỏ, ở dạng uống và dạng đặt âm đạo có cùng hiệu quả điều trị.
- Các chuyên gia khẳng định Utrogestan có thể sử dụng rộng rãi trong sản phụ khoa nếu chỉ định đúng ví dụ chỉ định Utrogestan đặt âm đạo ngừa sẩy thai trong 3 tháng đầu. Việc điều trị phòng ngừa thường là liều 1 viên 200mg x 2 lần/ ngày. Dùng progesterone trong quý 2 và quý 3 của thai kỳ có thể dễ gây vàng da ứ mật trong thai kỳ hoặc bệnh tế bào gan.
- Hiện có 4 báo cáo về tác dụng phụ của utrogestan (được FDA công bố): gây sẩy thai tự nhiên, xuất huyết, rối loạn kinh nguyệt, nôn, bong nhau sớm, giảm mật độ xương, nhiễm trùng, viêm ruột kết...

6. Dị ứng thuốc

- Bệnh nhân có tiền căn dị ứng, nên có sự theo dõi sát bệnh nhân và tránh sử dụng các nhóm thuốc dễ gây tình trạng dị ứng (nhóm penicillin, nhóm thuốc bổ,...) cho bệnh nhân.

7. Liều dùng của Paracetamol trong điều trị sốt

Là thuốc hạ sốt theo thời gian, tốt nhất để điều trị triệu chứng

Có thời gian tác dụng ngắn → Nên cần sử dụng **liều lặp lại mỗi 4-6 giờ.**

Tác dụng phụ của paracetamol (độc gan) là do sử dụng liều cao hơn liều điều trị. Ở liều điều trị, paracetamol an toàn ngay cả đối với người bệnh gan.

8. Liều dùng Perfalgan

- Perfalgan được sử dụng năm 2004 và được chỉ định điều trị ngắn đau trung bình hoặc sốt (khi thuốc khác không có hiệu quả). Những cuộc nghiên cứu cho đến ngày nay cho rằng 1 hoặc 2 liều ngay sau khi phẫu thuật có bằng chứng chứng minh hiệu quả giảm đau
- Trong điều trị đau: khởi phát tác dụng sau khi truyền 5 – 10 phút, đạt đỉnh nồng độ sau 1 giờ, thời gian tác dụng từ 4-6 giờ
- Trong điều trị sốt: khởi phát tác dụng sau 30 phút, thời gian tác dụng ít nhất 6 giờ

Tài liệu tham khảo

Bộ Y Tế, (2002), Dược thư Quốc Gia, Nhà Xuất bản Y học, Hà Nội

Campbell N, et al. Clin Pharmacol Ther 1988 Apr;43(4):381-386.

Marinov B, Petkova S, Dukovski A, Georgiev G, Garnizov T, Manchev V, Kolarov G, Iunakova M [Utrogestan and high risk pregnancy]. Akush Ginekol (Sofia). 2004;43(5):22-4.

Indian Journal for the Practising Doctor, Vol. 1, No. 1 (2004-09 - 2004-10)

An audit of Intravenous (IV) paracetamol use on surgical wards By Ara Boghossian, Broomfield Hospital, Mid-Essex Health Trust, Hospital Services NHS Trust, Chelmsford

